**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TOÁN VÀ TIẾNG VIỆT**

 **TUẦN LỄ TỪ 22/3/ 2020 ĐẾN 27/3/2020**

**ĐỀ TOÁN SỐ 1**

PHẦN I : TRẮC NGHIỆM (7,0đ)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1/ (1,0đ) Chữ số 9 trong số 567,89 chỉ:

A. 9 đơn vị

B. 9 phần mười

C. 9 phần nghìn

D. 9 phần trăm

Câu 2/ (1,0đ) Số thập phân: “Hai trăm bốn mươi sáu phẩy bảy mươi chín” được viết là:

A. 20046,79

B. 264,79

C. 246,709

D. 246,79

Câu 3/ (1,0đ) Tìm chữ số x, biết : 20,19 > 20,x9

A. x = 1

B. x = 0

C. x = 2

D. x = 9

Câu 4/ (1,0đ) 20% của một số bằng 23,4. Vậy số đó là :

A. 234 ;

B. 80 ;

C. 117 ;

D. 468

Câu 5/ (1,0đ) Mua 3,5m vải hết 350000 đồng. Vậy mua 4,5m vải như thế hết số tiền là :

A. 450000đồng ;

B. 45000đồng ;

C. 45000 tiền ;

D. 450000 tiền

Câu 6/ (1,0đ) Cho: 20,18 : 0,1 = ..... Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 2,018

B. 2018

C. 0,2018

D. 201,8

Câu 7/ (1,0đ) Lớp 5A có 15 bạn nam và 20 bạn nữ. Tỉ số phần trăm của số bạn nam và số bạn nữ của lớp 5A là :

A. 15% ;

B. 75% ;

C. 20% ;

D. 80%

PHẦN II: TỰ LUẬN (3,0 đ)

Bài 1 (1 điểm) - Đặt tính rồi tính:

24,06 x 4,2

139,52 : 64

Bài 2 (1 điểm) Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a) 1,5 ha = ................. …… m2

b) 3,69 tấn = ...........................kg

Bài 3 (1 điểm): Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng là 7,8m; chiều dài hơn chiều rộng 6,4m. Tính chu vi và diện tích mảnh đất đó?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Bài 4 (1 điểm): Lớp 5C có 30 học sinh, số học sinh nữ chiếm 40% số học sinh cả lớp. Hỏi lớp 5C có bao nhiêu học sinh nam?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...

**ĐỀ TOÁN SỐ 2**

Bài tập 1: Hình lập phương thứ nhất có cạnh 8 cm, Hình lập phương thứ hai có cạnh 6 cm. Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của mỗi hình lập phương đó?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………Bài tập 2: Một cái thùng không nắp có dạng hình lập phương có cạnh 7,5 dm. Người ta quét sơn toàn bộ mặt trong và ngoài của thùng đó. Tính diện tích quét sơn?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Bài tập 3: Người ta đóng một thùng gỗ hình lập phương có cạnh 4,5dm.

a) Tính diện tích gỗ để đóng chiếc thùng đó?

b) Tính tiền mua gỗ, biết cứ 10 dm2 có giá 45000 đồng.

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...................

**ĐỀ TOÁN SỐ 3**

A . Phần I: Trắc nghiệm.

 Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số nào dưới đây có cùng giá trị với 0,5 ?

A. 0,05 B. 0,005 C 0,500 D. 5,0

2. viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,9 B. 0,009 C. 0,09 D. 9,00

3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để được = là

A. 2 B. 3 C. 18 D. 6

4. Kết quả điều tra về ý thích đối với một số môn thể thao của 100 học sinh lớp 5 được thể hiện trên biểu đồ hình quạt bên. Trong 100 học sinh đó, số học sinh thích đá cầu là

A. 25 học sinh B. 15 học sinh 

 C. 20 học sinh D. 40 học sinh

5. Tỉ số phần trăm của 20 và 50 được tính là:

 A. 20 : 50 = 0,4 = 4% B.50 : 20 = 2,5 = 250%

C. 20 x 50 : 100 = 10 % D. 20 : 50 = 0,4 = 40%

 6. Phép trừ 163,7 – 98,54 có kết quả là:

A. 65,24 B. 65,17 C. 65,16 D. 56,16

7. Phép nhân nhẩm 12,574 x 100 có kết quả là:

A. 1275,4 B. 1257,4 C. 125,74 D. 12574

8.Số hình thang có trong hình bên là:

A. 6 

B. 3

C. 5

D. 4

9. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

 1m2 57cm2 = … cm2

A. 157 B. 10057 C. 15700 D. 1057

 10. Hình lập phương có cạnh bằng 3cm. Diện tích toàn phần của hình đó là:

 A. 18 cm2 B. 54 cm2 C. 162 cm2 D. 243 cm2

11. Tìm 15% của 320kg ta được:

A. 38 kg B. 72 kg C. 50 kg D. 48 kg

 12. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của dãy số

 1,36 ; 1,365 ; 1,37 ; ……..; 1,38 là:

 A. 1,371 B. 1,173 C. 1,375 D. 1,573

13. Chữ số 9 trong số thập phân 14,209 thuộc hàng nào?

A. Hàng nghìn B. Hàng phần mười C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

 14. Đội bóng của một trường học đã thi đấu 20 trận, thắng 19 trận. Như thế tỉ số phần trăm các trận thắng của đội bóng là:

A. 19% B. 85% C. 90% D. 95%

15. Một hình tròn có đường kính là 5 m. Vậy bán kính hình tròn đó là:

 A. 2,5 m B. 10 m C. m D. 2 m

16. Viết phân số thành tỉ số phần trăm ta được kết quả:

A. 0,4% B. 400% C. 40% D. 0,04%

17. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

 157 m3 = … dm3

A. 15700 B. 10057 C. 157000 D. 1057

18. Muốn tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, ta lấy :

 A. Chu vi mặt đáy nhân với chiều cao

 B. Chu vi mặt đáy cộng với chiều cao

 C. Chu vi mặt đáy nhân với chiều cao ( cùng một đơn vị đo)

 D. Chu vi mặt đáy chia cho chiều cao

19. Số lớn nhất trong các số 5,73 ; 5,81 ; 5,94 ; 5,76 ; là:

A. 5,73 B. 5,81 C. 5,94 D. 5,76

20. Một hình tam giác có độ dài đáy là 8 cm ,chiều cao là 4 cm. Diện tích hình tam giác là :

 A. 32 cm2 B. 16 cm2 C. 12 cm2 D. 24 cm2

B. Phần II: Vận dụng và tự luận.

 21. Đặt tính rồi tính

a) 57,648 + 35,37 b) 75,5 – 30,26

22. Viết chữ số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3478 m = ………..km

 b) 475 tấn = ………. tạ.

 23. Tìm x :

 a) x x 6 = 4,08 + 2,28 b) 4,7 – x = 2,1

 24 . Một hình tròn có bán kính là 7,2 m. Tính diện tích hình tròn đó?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

 25. Một cái thùng không có nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 3m , chiều rộng 1,2m và chiều cao 1,6 m. Người ta sơn mặt ngoài của thùng. Hỏi diện tích quét sơn là bao nhiêu mét vuông ?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………......

**ĐỀ TOÁN SỐ 4**

A . Phần I: Trắc nghiệm.

 Hãy khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

1. Số lớn nhất trong các số 5,798; 5,897; 5,978; 5,789; là:

A. 5,978 B. 5,798 C. 5,789 D. 5,897

2. Số đo 7m2 5dm2 bằng số mét vuông là:

A. 75m2 B. 7,05m2 C. 7,5m2 D. 7,005m2

3. Tỉ số phần trăm của 30 và 75 được tính là:

A. 30 : 75 = 0,4 = 4% C. 75 : 30 = 2,5 = 250%

B. 30 x 75 : 100 = 22,5 % D. 30 : 75 = 0,4 = 40%

4. Chữ số 7 trong số thập phân 86,732 có giá trị là:

A. 7/10 B. 7/100 C.700 D. 7

5. 20% của 520 là:

A. 104 B. 140 C. 401

6. Tổng của 25 + 4 + + 0,01 là

A. 29,301 B. 29,31 C. 29,130

7. Kết quả điều tra về ý thích đối với một số môn thể thao của 100 học sinh lớp 5 được thể hiện trên biểu đồ hình quạt bên. Trong 100 học sinh đó, số học sinh thích đá bóng là :

A. 25 học sinh 

B. 15 học sinh

C. 20 học sinh

 D. 40 học sinh

8. Một hình tròn có bán kính là 5 m. Vậy đường kính hình tròn đó là:

 A. 2,5 m B. 10 m C. m D. 2 m

9. Một hình tam giác vuông có độ dài hai cạnh góc vuông lần lượt là 8 cm và 4 cm. Diện tích hình tam giác vuông đó là :

 A. 32 cm2 B. 16 cm2 C. 12 cm2 D. 24 cm2

10. Tính diện tích hình M biết mỗi cạnh ô vuông bằng 1cm

A. 10 cm2 C. 15 cm2

B.12cm2 D. 14 cm2

 

11. Chu vi của hình tròn có r = 8cm là:

A. 25,12 cm C. 50,24 cm

B. 12,56 cm D. 2,512cm

12. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng:

0,6 % = …?

A.  B.  C.  D. 

13. Để tìm 25% của 72 ta làm như sau:

A. Nhân 25 với 72

B. Chia 25 cho 72

C. Nhân 25 với 72 rồi lấy kết quả chia cho 100

D. Nhân 25 với 100 rồi lấy kết quả chia cho 72.

14. Chữ số 7 trong số thập phân 25,107 thuộc hàng nào ?

A. Hàng nghìn B. Hàng phần mười.

C. Hàng phần trăm D. Hàng phần nghìn

15.Một hình tam giác có độ dài đáy 7cm, chiều cao là 4cm. Diện tích hình tam giác là:

A. 25cm2 B. 14cm2 C. 26cm2 D. 17cm2

16. Tìm y, biết 4,35 + y = 7,03, kết quả y là:

A. 2,68 B. 3,6 C. 2,78 D. 3,68

17. Chu vi hình vuông có cạnh 10 dm là:

A. 14 dm B. 40 dm C. 28 dm D. 24 dm

18. Phép cộng 28,7 + 79,65 có kết quả là:

A. 108,53 B. 98,35 C. 107,53 D. 108,35

19. Một hình lập phương có cạnh 5 cm . Thể tích của hình lập phương đó là:

A. 25 cm3 B. 125 cm3 C. 75 cm3 D. 50 cm3

20. Có bao nhiêu hình tam giác trong hình bên ?

 A. 4 B. 6 C. 7 D. 8

B. Phần II: Vận dụng và tự luận.

21. Đặt tính rồi tính:

a) 31,05 x 2,6

……………………………………..

…………………………………….

…………………………………….

…………………………………….

……………………………………..

…………………………………….

b) 77,5 : 2,5

………………………………………

………………………………………

………………………………………

………………………………………

………………………………………

………………………………………

22. Tìm x:

 a) X x 6 = 6,36 b) 5,7 – x = 2,1

…………………………………. …………………………………….

…………………………………. …………………………………….

………………………………… ………………………………………

…………………………………. ………………………………………

………………………………….. ……………………………………..

23. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 250 m3 = …………dm3

b) 45000 cm3= ………. dm3

24 . Một hình tròn có bán kính là 5,2 m. Tính diện tích hình tròn đó.

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....

25. Một cái thùng không có nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 6m , chiều rộng 2,4m và chiều cao 3 m. Người ta sơn mặt ngoài của thùng. Hỏi diện tích quét sơn là bao nhiêu mét vuông ?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**ĐỀ TIẾNG VIỆT SỐ 1**

I. Đọc hiểu :

1. Đọc thầm bài văn sau:

**Cổ tích về ngọn nến**

 Một tối mất điện, ngọn nến được đem ra đặt giữa phòng. Người ta châm lửa cho ngọn nến và nến lung linh cháy sáng. Nến hân hoan nhận ra rằng ngọn lửa nhỏ nhoi của nó đã mang lại ánh sáng cho cả căn phòng.

 Mọi người đều trầm trồ: “Ồ ngọn nến sáng quá, thật may, nếu không chúng ta sẽ chẳng nhìn thấy gì mất”. Nghe thấy vậy, nến vui sướng dùng hết sức mình đẩy lùi bóng tối xung quanh. Thế nhưng, những dòng sáp nóng đã bắt đầu chảy ra, lăn dài theo thân nến. Nến thấy mình càng lúc càng ngắn lại. Đến khi chỉ còn một nửa, nến giật mình: “Chết mất, ta mà cứ cháy mãi thế này thì chẳng bao lâu sẽ tàn mất thôi. Tại sao ta phải thiệt thòi như vậy?”.

 Nghĩ rồi, nến nương theo một cơn gió thoảng để tắt phụt đi. Một sợi khói mỏng manh bay lên rồi nến im lìm.

 Mọi người trong phòng nhốn nháo bảo nhau: “Nến tắt mất rồi, tối quá, làm sao bây giờ?”. Ngọn nến mỉm cười tự mãn và hãnh diện vì tầm quan trọng của mình. Nhưng bỗng một người đề nghị: “Nến dễ bị gió thổi tắt lắm, để tôi đi tìm cái đèn dầu”. Đèn dầu được thắp lên, còn ngọn nến đang cháy dở thì bị bỏ vào ngăn kéo tủ.

 Ngọn nến buồn thiu. Thế là từ nay nó sẽ bị nằm trong ngăn kéo, khó có dịp cháy sáng nữa. Nến chợt hiểu rằng hạnh phúc của nó là được cháy sáng vì mọi người, dù chỉ có thể cháy với ánh lửa nhỏ và dù sau đó nó sẽ tan chảy đi. Bởi vì nó là ngọn nến.

Theo Nguyễn Quang Nhân

2.Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng và hoàn thành các bài tập sau:

Câu 1: (0,5đ) Khi mang lại ánh sáng cho căn phòng và được mọi người khen ngợi thì ngọn nến cảm thấy thế nào?

a. Tự mãn và hãnh diện

b. Hân hoan, vui sướng.

c. Buồn thiu vì thiệt thòi.

d. Lung linh cháy sáng.

Câu 2: (0,5đ) Tại sao ngọn nến lại nương theo gió và tắt phụt đi?

a. Vì nó đã cháy hết mình.

b. Vì nó cảm thấy mình không còn cần thiết nữa.

c. Vì đã có đèn dầu.

d. Vì nó cảm thấy thiệt thòi.

Câu 3: (1,0đ) Thân phận của nến ra sao khi đèn dầu được thắp lên?

a. Bị bỏ vào ngăn kéo tủ, khó có dịp được cháy sáng.

b. Nến càng lúc càng ngắn lại.

c. Nến vui sướng vì không phải cháy sáng nữa.

d. Nến bị gió thổi tắt phụt đi.

Câu 4: (1,0đ) Nến buồn thiu và chợt nhận ra điều gì?

a. Thấy mình chỉ còn một nửa.

b. Chẳng bao lâu nữa sẽ tàn mất thôi.

c. Hạnh phúc của nó là được cháy sáng vì mọi người.

d. Ánh sáng của nó đã đẩy lùi bóng tối xung quanh.

Câu 5: (1,0đ) Từ nào sau đây trái nghĩa với từ “vui sướng”?

a. vui buồn

b. sung sướng

c. sầu não

d. hãnh diện

Câu 6: (1,0đ) Từ ngữ in đậm trong câu sau thuộc từ loại nào?

Thế là từ nay nó sẽ bị nằm trong ngăn kéo, khó có dịp cháy sáng nữa.

a. Danh từ

b. Động từ

c. Tính từ

d. Đại từ

Câu 7: (1,0đ) Tìm 5 từ miêu tả làn da của người:

…………………………………………………………………………………………………………….

Câu 8: (1,0đ) Đặt câu có từ “cổ” là từ đồng âm. (Đặt một hoặc hai câu).

…………………………………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………………………………….

II - Tập làm văn: Em hãy tả một em bé ở tuổi tập nói, tập đi.

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**ĐỀ TIẾNG VIỆT SỐ 2**

Bài 1: Điền vào chỗ trống để hoàn thành các thành ngữ, tục ngữ sau:

1. Nam........... nữ tú

2. Trai tài gái.............

3. Cầu được ước ........

4. Ước của ..........mùa

5. Đứng núi này.........núi nọ.

6. Non xanh nước .........

7. Kề vai ..........cánh.

8. Muôn người như..........

9. Đồng cam...........khổ

10. Bốn biển một............

Bài 2. Xếp các từ sau thành các cặp đồng nghĩa: Dũng cảm, phi cơ, coi sóc, buổi sớm, phồn thịnh, giang sơn, gián đoạn, nơi, mĩ lệ, nhát gan, can đảm, hèn nhát, chăm nom, tươi đẹp, thịnh vượng, bình minh, chốn, đứt quãng, sơn hà, tàu bay.

Bài 3. Điền từ vào chỗ trống để hoàn thành các câu dưới đây.

1. Từ "nặng" trong cụm từ "ốm nặng" và cụm "việc nặng" là các từ ............nghĩa.

2. Câu ghép là câu do nhiều ..........câu ghép lại.

3. Hà Nội có Hồ Gươm

Nước xanh như pha mực

Bên hồ ngọn ................

Viết thơ lên trời cao.

(Hà Nội – Trần Đăng Khoa)

4. Xét về mặt cấu tạo từ, các từ "lung linh, mong mỏi, phố phường, tin tưởng" đều là từ.............

5. Câu "Cửa sông chẳng dứt cội nguồn" thuộc kiểu câu: Ai..........?

6. Tác giả của bài thơ "Chú đi tuần" là nhà thơ ..........................

7. Nước lã mà vã nên hồ

Tay không mà nổi ...........mới ngoan.

8. ...........từ là những từ dùng để xưng hô hay để thay thế cho danh từ, động từ, tính từ (hoặc cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) trong câu cho khỏi lặp lại các từ ngữ ấy.

9. Xét về mặt từ loại, từ "anh em" trong câu "Anh em như thể chân tay/ Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần" là ..........từ.

10. Từ "đồng" trong cụm "trống đồng" và "đồng" trong cụm "đồng lúa" là hai từ đồng.....................

Bài 3. Viết chính tả : Lịch sử Ngày Quốc tế Lao động

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..................................

Bài 4. Tập làm văn : Hãy tả vẻ đẹp của một cảnh sông nước ( ao hồ, dòng sông, dòng suối, biển…).

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..................................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**ĐỀ TIẾNG VIỆT SỐ 3**

Phần I. LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Bài 1: Hãy cho biết các câu trong đoạn văn sau câu nào là câu đơn câu nào là câu ghép. Tìm CN và VN của chúng (CN gạch chân 1 gạch Vn gạch chân 2 gạch).

Đêm xuống, mặt trăng tròn vành vạnh. Cảnh vật trở nên huyền ảo. Mặt ao sóng sánh, một mảnh trăng bồng bềnh trên mặt nước.

Câu đơn :……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

Câu ghép:………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………….

Bài 2: Phân các loại câu dưới đây thành 2 loại:Câu đơn và câu ghép. Tìm CN và VN của chúng(CN gạch chân 1 gạch, VN gạch chân 2 gạch).

 a) Mùa thu năm 1929, Lý Tự Trọng về nước, được giao nhiệm vụ làm liên lạc, chuyển và nhận thư từ, tài liệu trao đổi với các đảng bạn qua đường tàu biển.

 b) Lương Ngọc Quyến hi sinh nhưng tấm lòng trung với nước của ông còn sáng mãi.

 c) Mấy con chim chào mào từ hốc cây nào đó bay ra hót râm ran.

 d) Mưa rào rào trên sân gạch, mưa đồm độp trên phên nứa.

Câu đơn :……………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

Câu ghép:………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………

Bài 3: Có thể tách các vế trong câu ghép tìm được ở BT2 thành các câu đơn được không, vì sao?

Bài 4: Điền vế câu còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành các câu ghép sau:

a) Nó nói và.........................................................................

b) Nó nói rồi........................................................................

c) Nó nói còn.......................................................................

d) Nó nói nhưng..................................................................

Bài 5: Điền vế câu còn thiếu vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ghép sau:

a)Lan học bài còn………………………………………………..

b) Nếu trời mưa to thì …………………………………………..

c) ..........................................................., còn bố em là bộ đội.

d) ........................................................................nhưng Lan vẫn đến lớp.

Bài 6: Trong các câu sau, câu nào không phải là câu ghép:

a) Em được mọi người yêu mến vì em chăm ngoan học giỏi.

b) Vì em chăm ngoan học giỏi, em được mọi người yêu mến.

c) Em muốn được mọi người yêu mến nên em chăm ngoan học giỏi.

d) Nhờ em chăm ngoan học giỏi mà em được mọi người yêu mến.

Bài 7: Hãy cho biết những câu văn sau là câu đơn hay câu ghép. Tìm CN, VN của chúng(CN gạch chân 1 gạch Vn gạch chân 2 gạch):

a) Ánh nắng ban mai trải xuống cánh đồng vàng óng, xua tan dần hơi lạnh đầu đông.

b) Làn gió nhẹ chạy qua, những chiếc lá lay động như những đốm lửa vàng, lửa đỏ bập bùng cháy.

c) Nắng lên, nắng chan mỡ gà trên những cánh đồng lúa chín.

Bài 8: Xác định TN, CN, VN của những câu văn sau:

a) Trong đêm tối mịt mùng, trên dòng sông mênh mông, chiếc xuồng của má Bảy chở thương binh lặng lẽ trôi.

b) Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính.

Bài 9: Tìm trạng ngữ, CN và VN của những c âu văn trong đoạn văn sau:

 a) Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá lên thật dày, ánh sáng xuyên qua chỉ còn là màu ngọc bích. Sang cuối thu, lá bàng ngả thành màu tía và bắt đầu rụng xuống. Qua mùa đông, cây bàng trụi hết lá, những chiếc cành khẳng khiu in trên nền trời xám đục.

 b) Sự sống cứ tiếp tục trong âm thầm, hoa thảo quả nảy dưới gốc cây kín đáo và lăng lẽ. Ngày qua, trong sương thu ẩm ướt và mưa rây bụi mùa đông, những chùm hoa khép miệng bắt đầu kết trái. Dưới tầng đáy rừng, tựa như đột ngột, những chùm thảo quả đỏ chon chót bỗng rực lên, bóng bẩy như chứa lửa, chứa nắng.

Bài 10: Tìm QHT thích hợp để điền vào chỗ trống trong từng câu dưới đây:

 a) Em chăm chỉ hiền lành...anh thì tham lam, lười biếng.

 b) Tôi khuyên nó....nó vẫn không nghe.

 c) Mưa rất to.....gió rất lớn.

 d) Cậu đọc....tớ đọc

Bài 11: Tìm cặp QHT thích hợp điền vào chỗ trống trong từng câu sau:

 a)……....tôi đạt học sinh giỏi……....bố mẹ thưởng cho tôi một chiếc xe đạp.

 b)..............trời mưa…….....lớp ta sẽ hoãn đi cắm trại.

 c)...........gia đình gặp nhiều khó khăn………...bạnNamvẫn phấn đấu học tốt.

 d)..............trẻ con thích xem phim Tây Du Kí………...người lớn cũng rất thích.

Bài 12: Xác định các vế câu và các QHT, cặp QHT trong từng câu ghép dưới đây:

 a) Tại lớp trưởng vắng mặt nên cuộc họp lớp bị hoãn lại.

 b) Vì bão to nên cây cối đổ nhiều.

 c) Nó không chỉ học giỏi Toán mà nó còn học giỏi Tiếng Việt.

 d) Do nó học giỏi văn nên nó làm bài rất tốt.

Bài 13: Từ mỗi câu ghép ở BT3, hãy tạo ra một câu ghép mới bằng cách thay đổi vị trí của các vế câu (có thể thêm, bớt một vài từ)

VD: a) Cuộc họp lớp bị hoãn lại vì lớp trưởng vắng mặt.

Bài 14: Tìm nghĩa ở cột B nối với từ thích hợp ở cột A:

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| Do | a) Biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân dẫn đến kết quả tốt đẹp được nói đến. |
| Tại | b) Biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân của sự việc được nói đến.   |
| Nhờ | c) Biểu thị điều sắp nêu ra là nguyên nhân của sự việc không hay được nói đến. |

Bài 15: Hãy xác định ý nghĩa các cặp QHT có trong các câu dưới đây:

a) Nếu trời trở rét thì con phải mặc áo ấm.

b) Do cha mẹ quan tâm dạy dỗ nên em bé rất ngoan

c) Tuy Nam không được khoẻ nhưngNamvẫn đi học.

d) Mặc dù nhà nó xa nhưng nó không bao giờ đi học muộn.

e) Không những nó học giỏi mà nó còn hát rất hay.

Bài 16: Điền vế câu thích hợp vào chỗ trống để hoàn chỉnh các câu ghép chỉ quan hệ tăng tiến sau:

a) Lan không chỉ chăm học....

b) Không chỉ trời mưa to....

c) Trời đã mưa to.....

d) Đứa trẻ chẳng những không nín khóc....

Bài 17: Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy?

a. Dập dờn, chót vót, xanh xanh, vòi vọi, sừng sững, cuồn cuộn, ra xa.

b. Dập dờn, chót vót, xanh xanh, vòi vọi, Sóc Sơn, cuồn cuộn, xa xa.

c. Dập dờn, chót vót, xanh xanh, đồng bằng, vòi vọi, sừng sững, cuồn cuộn.

d. Dập dờn, chót vót, xanh xanh, vòi vọi, sừng sững, cuồn cuộn, xa xa.

Bài 18 :Dấu phẩy trong câu “Trong đền, dòng chữ vàng Nam quốc sơn hà uy nghiêm đề ở bức hoành phi treo chính giữa” có tác dụng gì?

a. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.

b. Ngăn cách trạng ngữ với các thành phần chính của câu.

c. Ngăn cách các trạng ngữ trong câu.

d. Ngăn cách các bộ phận có cùng chức vụ trong câu.

Bài 19:Viết một câu ghép có sử dụng cặp quan hệ từ “Vì – nên”?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

 Phần 2: CHÍNH TẢ

Phụ huynh đọc cho các em viết cả bài

1. Thái sư Trần Thủ Độ

2. Nhà tài trợ đặc biệt của Cách mạng

Phần 3: TẬP LÀM VĂN

Làm hết cả 3 đề

a. Em hãy tả một cây hoa mà em thích.

b. Em hãy tả cái đồng hồ báo thức.

c. Em hãy tả thầy giáo hoặc cô giáo đã để lại cho em nhiều ấn tượng nhất.

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….......................

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………